TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày: 01 tháng 4 năm 2021.
V/v tranh chấp tiền hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lại Thiện Phong.**

2/ Bà **Ngô Hồng Xuân**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: ông **Dương Minh Kha** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/TLST-DS ngày 07/10/2020 về *"tranh chấp tiền hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05A/2020/QĐXXST-DS ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Thái Trúc L,** sinh năm: 1979 (có mặt)

- Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2.Bị đơn: Bà **Thái Thị T**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

- Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/8/2020 và tại lời khai ngày 24/11/2020 nguyên đơn bà Thái Trúc L trình bày:

*Bà có tham gia chơi hụi do bà Thái Thị T làm chủ hụi. Cụ thể như sau:

1.Hụi khui vào tháng 5/2014, hụi 1.000.000 đồng/tháng. Có 28 hụi viên, bà tham chơi 01 chưng. Khui được 20 lần thì đến tháng 1/2016 thì bà T ngưng hụi. Còn lại 08 lần hụi sống. Số tiền bà T thiếu bà là 20.000.000 đồng.

2. Hụi khui vào tháng 11/2014, hụi 1.000.000 đồng/tháng. Có 37 hụi viên, bà tham chơi 01 chưng. Khui được 14 lần thì đến tháng 1/2016 thì bà T ngưng hụi. Còn lại số 23 lần hụi sống. Số tiền bà T còn thiếu bà là 13.992.000 đồng.

3. Hụi khui vào tháng 4/2015, hụi 500.000 đồng/tháng. Có 32 hụi viên, bà tham chơi 01 chưng. Khui được 09 lần thì đến tháng 1/2016 thì bà T ngưng hụi. Còn lại số 23 lần sống. Số tiền bà T còn thiếu chưng hụi này là 4.485.000 đồng.

Như vậy 03 chưng hụi bà tham gia chơi và bà T còn thiếu là 47.458.000 đồng. Sau đó bà T có trả cho bà được số tiền 29.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 18.458.000 đồng.

*Đồng thời, Bà L và bà T còn thỏa thuận mua bán 3 chưng hụi do bà T là chủ hụi và tham gia chơi. Cụ thể:

1. Hụi khui tháng 4/2015. Bà T chơi 04 chưng. Đến tháng 6/2015 bà T bán hụi cho bà L 01 chưng với số tiền 23.300.000 đồng. Sau khi ngưng hụi vào tháng 1/2016, bà T đồng ý hoàn lại cho bà L số tiền 9.000.000 đồng.

2. Hụi khui tháng 4/2015. Hụi 500.000 đồng/ tháng. Bà T chơi 05 chưng. Đến tháng 10/2015 bà T bán hụi cho bà L 2 chưng với số tiền 21.600.000 đồng. Sau khi ngưng hụi vào tháng 1/2016, bà T đồng ý hoàn lại cho bà 2 chưng hụi này số tiền 9.000.000 đồng.

Như vậy 03 chưng hụi bà L mua của bà T, số tiền bà T thiếu là 18.000.000 đồng. Sau đó bà T có trả bà L là 2.733.000 đồng nên bà T còn nợ lại là 15.267.000 đồng.

Tổng số tiền bà T còn thiếu bà do chơi hụi và mua hụi của bà T là 18.458.000 đồng + 15.267.000 đồng = 33.725.000 đồng.

*Ngoài ra, bà L có mua 03 chưng hụi của 03 hụi viên của bà Khưu Thị Lan, Khưu Thị Hà và bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung cùng chơi hụi do bà T làm chủ hụi. Do bà T ngưng hụi nên bà L yêu cầu bà T phải hoàn trả cho bà số tiền 03 người đã đóng hụi trước đó với số tiền là 21.975.000 đồng.

Tổng các khoản tiền hụi bà L yêu cầu bà T trả là 55.700.000 đồng.

Đến ngày 24/11/2020 bà Thái Trúc L có đơn xin rút lại một phần đơn khởi kiện với số tiền: 975.000.000 đồng (là số tiền bà mua lại của 03 hụi viên). Đồng thời ngày 02/3/2021, bà L xin rút lại một phần đơn khởi kiện đối với toàn bộ số tiền mà bà yêu cầu bà T trả của 03 hụi viên bà đã mua với số tiền là 21.000.000 đồng.

Do đó bà L yêu cầu bà T trả tiền hụi bà T còn thiếu là 33.725.000 đồng.

Riêng bị đơn bà Thái Thị T có mặt tại địa phương nhưng không hợp tác nên không có lời khai. Do đó Tòa án đã lập các biên bản và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đây đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do.

-Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của bà Thái Trúc L. Buộc bà Thái Thị T trả cho bà Thái Trúc L số tiền hụi 33.725.000 đồng. Ngoài ra, buộc bà Thái Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham dự phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về tiền hụi mà bị đơn bà Thái Thị T có địa chỉ tại ấp N, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc bà Thái Thị T vắng mặt lần hai không có lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Về Nội dung:

[1] Về chứng cứ chứng minh: Căn cứ vào lời trình bày của bà L và lời khai tại Tờ tường trình ngày 07/7/2020 của bà T xác định: bà Thái Thị T có bán cho bà Thái Trúc L tổng cộng 03 chưng hụi do bà T làm chủ hụi và tham gia hụi viên và số tiền bà T còn thiếu bà L là 15.267.000 đồng, và 04 chưng hụi do bà L tham gia chơi hụi của bà T và còn thiếu là 18.458.000 đồng việc này được các bên thống nhất thừa nhận là đúng sự thật nên đây là nguồn chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của bà L về đòi bà T trả số tiền hụi là 33.725.000. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Thái Trúc L và bà Thái Thị T là giáo viên của Trường THPT Ngan Dừa. Bà Thái Thị T có mở và làm chủ các chưng hụi. Bà Thái Trúc L là một trong những hụi viên tham gia chơi hụi của bà T. Cụ thể như sau:

1.Hụi khui vào tháng 5/2014, hụi 1.000.000 đồng/tháng. Có 28 hụi viên, bà tham chơi 01 chưng. Khui được 20 lần thì đến tháng 1/2016 thì bà T ngưng hụi. Còn lại 08 lần hụi. Số tiền bà T thiếu là 20.000.000 đồng.

2. Hụi khui vào tháng 11/2014, hụi 1.000.000 đồng/tháng. Có 37 hụi viên, bà tham chơi 01 chưng. Khui được 14 lần thì đến tháng 1/2016 thì bà T ngưng hụi. Còn lại số 23 lần. Số tiền bà T còn thiếu là 13.992.000 đồng.

3. Hụi khui vào tháng 4/2015, hụi 500.000 đồng/tháng. Có 32 hụi viên, bà tham chơi 01 chưng. Khui được 09 lần thì đến tháng 1/2016 thì bà T ngưng hụi. Còn lại số 23 lần. Số tiền bà T của bà của chưng hụi này là 4.485.000 đồng.

Số tiền hụi bà T còn thiếu của bà L là 47.458.000 đồng. Sau đó bà T có trả cho bà L 29.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 18.458.000 đồng.

*Đồng thời, Bà L và bà T còn thỏa thuận mua bán 3 chưng hụi do bà T là chủ hụi và tham gia chơi. Cụ thể:

Hụi khui tháng 4/2015. Bà T chơi 04 chưng. Đến tháng 6/2015 bà T bán hụi cho bà L với số tiền 23.300.000 đồng. Sau khi ngưng hụi vào tháng 1/2016, bà T đồng ý hoàn lại cho bà L số tiền 9.000.000 đồng.

Hụi khui tháng 4/2015. Hụi 500.000 đồng/ tháng. Bà T chơi 05 chưng. Đến tháng 10/2015 bà T bán hụi cho bà L 2 chưng với số tiền 21.600.000 đồng. Sau khi ngưng hụi vào tháng 1/2016, bà T đồng ý hoàn lại cho bà số tiền 9.000.000 đồng.

Như vậy 03 chưng hụi bà L mua của bà T, số tiền bà T thiếu là 18.000.000 đồng. Sau đó bà T có trả bà L là 2.733.000 đồng nên còn nợ lại là 15.267.000 đồng.

Tổng số tiền bà T còn thiếu bà do chơi hụi và mua hụi của bà T là 18.458.000 đồng + 15.267.000 đồng = 33.725.000 đồng.

Tuy bà T không có lời khai tại tại Tòa. Tuy nhiên trước khi bà L khởi kiện tại Tòa án, bà L có làm đơn gửi Công an huyện Hồng Dân. Tại Tờ tường trình vào ngày 07/7/2020, bà Thái Thị T khai và thừa nhận bà L có tham gia chơi 04 chưng hụi của bà như bà L đã trình này và số tiền bà còn thiếu của bà L là 18.458.000 đồng. Ngoài ra bà thừa nhận có bán cho bà L 03 chưng hụi như bà L đã trình bày và còn thiếu bà L số tiền 15.267.000 đồng. Bà T có cam kết trả dần nhưng không thực hiện. Đồng thời Công an có văn bản xác định không có dấu hiệu lừa đảo, các bên có quyền khởi kiện vụ án dân sự nên bà L có đơn khởi kiện tại Tòa án. Xét thấy việc bà L trình bày trùng khớp với sự thừa nhận của bà Thái Thị T nên yêu cầu của bà L là có cơ sở chấp nhận và buộc bà T có nghĩa vụ trả tổng số tiền hụi còn thiếu là 33.725.000 đồng cho bà Thái Trúc L.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có xin rút một phần đơn khởi kiện của mình đối với số tiền 21.975.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần đơn khởi kiện của bà Thái Trúc L là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên căn cứ vào Điều 217 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 21.975.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Thái Thị T phải chịu.

[4] Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, bêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ- HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Trúc L với số tiền 21.975.000 đồng.

2.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Trúc L đối với bà Thái Thị T.

Buộc bà Thái Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Thái Trúc L số tiền là 33.725.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

02/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Thái Thị T nộp số tiền 1.686.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Bà Thái Trúc L không phải chịu án phí. Bà L đã dự nộp án phí với số tiền 1.390.000 đồng theo biên lai thu số 0003255 ngày 07/10/2020 sẽ được hoàn lại toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện HD;
- THA huyện HD;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi